TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/ST-HNGĐ
Ngày 12 tháng 9 năm 2025
"V/v: "Ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Thanh Sâm và bà La Thị Huyền

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- ***Đại diệnViện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lữ Thị H - Sinh năm 1969

Nơi cư trú: Bản Vĩnh Kim, xã Vĩnh Tường, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt - (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T - Sinh năm: 1963

Nơi cư trú: Thôn Trường Yên, xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lữ Thị H vắng mặt nhưng theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/8/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lữ Thị H trình bày:

Bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay đã sinh được 04 con chung. Đến năm 2018 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Có 04 con chung là Trần Thị T sinh năm 1990, Trần Thị h sinh năm 1992, Trần Thị T sinh năm 2000 và Trần Thị L sinh năm 2003. Hiện nay 04 con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, ông Trần Văn T vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Lữ Thị H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Qúa trình chug sống hạnh phúc và sinh được 04 người con chung. Tuy nhiên, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông và bà Lữ Thị H không còn tình cảm nên đã thống nhất ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Có 04 con chung là Trần Thị T sinh năm 1990, Trần Thị h sinh năm 1992, Trần Thị T sinh năm 2000 và Trần Thị L sinh năm 2003. Hiện nay 04 con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định và trình tự tố tụng theo quy định của Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình giải quyết, hòa giải và xét xử, nhìn chung vụ án đã thụ lý giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T là vợ chồng; Về án phí: Miễn án phí cho bà Lữ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại: Thôn Trường Yên, xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, các đương sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An nơi nguyên đơn cư trú giải quyết. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T khai chung sống với nhau như vợ chồng tại bản Vĩnh Kim, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An – Nay là xã Vĩnh Tường, tỉnh Nghệ An từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Kết quả xác minh tại ủy ban nhân dân xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An – Nay là xã Vĩnh Tường, tỉnh Nghệ An xác nhận: Không có thông tin lưu trữ về việc bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An – Nay là xã Vĩnh Tường, tỉnh Nghệ An.

Xét thấy việc bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là có thật. Sau khi chung sống như vợ chồng và sinh được 4 người con chung. Mặc dù bà H và ông T có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà H và ông T không đăng ký kết hôn. Nên giữa bà H và ông T không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Qúa trình chung sống với nhau bà H và ông T đã sinh được 04 con chung, đến năm 2018 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông T, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung: Qúa trình chúng sống với nhau bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T sinh được 04 con chung là: Có 04 con chung là Trần Thị T sinh năm 1990, Trần Thị h sinh năm 1992, Trần Thị T sinh năm 2000 và Trần Thị L sinh năm 2003. Hiện nay 04 con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Lữ Thị H là người dân tộc nên cần xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lữ Thị H.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

2/ Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lữ Thị H và ông Trần Văn T.

- *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lữ Thị H.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Nghệ An*
- *VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Nghệ An;*
- *UBND xã V, tỉnh Nghệ An;*
- *Lưu HSVA+VPTA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng